

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2017 THEO HỌC BẠ**

TT	Tên ngành tuyển sinh	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Điểm xét tuyển (ĐXT)	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Tuyển sinh kỳ I	Tuyển sinh kỳ II	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM</b>	<b>DDS</b>	<b>20</b>					
1	Sư phạm Âm nhạc	52140221	20	1. <b>Năng khiếu 1</b> (Thảm âm +Xướng âm)*2 + <b>Năng khiếu 2</b> (Hát + Nhạc cụ)*2 + Ngữ văn	Điểm các môn năng khiếu $\geq 5$	x	x	
<b>II</b>	<b>PHÂN HIỆU KON TUM</b>	<b>DDP</b>	<b>325</b>					
1	Kinh tế ( <i>chuyên ngành Kinh tế phát triển</i> )	52310101	25	1. Ngữ văn + Địa lý + Sinh học 2. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng anh 3. Toán + Sinh học + Giáo dục công dân 4. Ngữ văn + Địa lý + Giáo dục công dân		x	x	
2	Quản trị kinh doanh	52340101	25	1. Ngữ văn + Địa lý + Sinh học 2. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng anh 3. Toán + Sinh học + Giáo dục công dân 4. Ngữ văn + Địa lý + Giáo dục công dân		x	x	
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	52340103	25	1. Ngữ văn + Địa lý + Sinh học 2. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng anh 3. Toán + Sinh học + Giáo dục công dân 4. Ngữ văn + Địa lý + Giáo dục công dân		x	x	
4	Kinh doanh thương mại	52340121	25	1. Ngữ văn + Địa lý + Sinh học 2. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng anh 3. Toán + Sinh học + Giáo dục công dân 4. Ngữ văn + Địa lý + Giáo dục công dân		x	x	
5	Tài chính - ngân hàng	52340201	25	1. Toán + Sinh học + Địa lý 2. Toán + Sinh học + Giáo dục công dân 3. Ngữ văn + Địa lý + Giáo dục công dân 4. Ngữ Văn + Sinh học + Địa lý		x	x	

TT	Tên ngành tuyển sinh	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Điểm xét tuyển (ĐXT)	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Tuyển sinh kỳ I	Tuyển sinh kỳ II	GHI CHÚ
6	Kế toán	52340301	25	1. Toán + Sinh học + Địa lý 2. Toán + Sinh học + Giáo dục công dân 3. Ngữ văn + Địa lý + Giáo dục công dân 4. Ngữ Văn + Sinh học + Địa lý	Điểm trung bình của 3 môn dùng để xét tuyển là điểm trong năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12 (5 học kỳ) của thí sinh không nhỏ hơn 6,0.	x	x	
7	Kiểm toán	52340302	25	1. Toán + Sinh học + Địa lý 2. Toán + Sinh học + Giáo dục công dân 3. Ngữ văn + Địa lý + Giáo dục công dân 4. Ngữ Văn + Sinh học + Địa lý		x	x	
8	Luật kinh tế	52380107	25	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 3. Ngữ văn + Địa lý + Giáo dục công dân 4. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh		x	x	
9	Công nghệ thông tin	52480201	25	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Ngữ Văn + Vật lý 4. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh		x	x	
10	Kỹ thuật điện, điện tử	52520201	25	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Tiếng Anh 4. Toán + Vật lý + Sinh học		x	x	
11	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	52580205	25	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Địa lý 3. Toán + Hóa học + Địa lý 4. Toán + Vật lý + Sinh học		x	x	
12	Kinh tế xây dựng	52580301	25	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Địa lý 3. Toán + Hóa học + Địa lý 4. Toán + Vật lý + Sinh học		x	x	
13	Kinh doanh nông nghiệp	52620114	25	1. Ngữ văn + Địa lý + Sinh học 2. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng anh 3. Toán + Sinh học + Giáo dục công dân 4. Ngữ văn + Địa lý + Giáo dục công dân		x	x	

TT	Tên ngành tuyển sinh	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Điểm xét tuyển (ĐXT)	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Tuyển sinh kỳ I	Tuyển sinh kỳ II	GHI CHÚ
<b>III</b>	<b>VIỆN NGHIÊN CỨU &amp; ĐÀO TẠO VIỆT ANH</b>	<b>DDV</b>	<b>80</b>					
1	Quản trị và kinh doanh Quốc tế	DIBM	40	1. Toán + Anh + Văn 2. Toán + Lý + Hóa 3. Toán + Văn + Lý 4. Toán + Anh + Lý	1. Điểm TB 3 môn đăng ký xét tuyển $\geq 6.0$ 2. Bài tự luận cá nhân xếp loại ĐẠT 3. Tham gia phỏng vấn của hội đồng tuyển sinh Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh và xếp loại ĐẠT	x		
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	DCSE	20	1. Toán + Văn + Anh 2. Toán + Lý + Hóa 3. Toán + Văn + Lý 4. Toán + Lý + Anh	1. Điểm TB 3 môn đăng ký xét tuyển $\geq 6.0$ 2. Bài tự luận cá nhân xếp loại ĐẠT 3. Tham gia phỏng vấn của hội đồng tuyển sinh Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh và xếp loại ĐẠT	x		
3	Khoa học Y sinh	DBMS	20	1. Toán + Lý + Hóa 2. Toán + Hóa + Sinh 3. Toán + Hóa + Anh 4. Toán + Sinh + Anh	1. Điểm TB 3 môn đăng ký xét tuyển $\geq 6.0$ 2. Bài tự luận cá nhân xếp loại ĐẠT 3. Tham gia phỏng vấn của hội đồng tuyển sinh Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh và xếp loại ĐẠT	x		
<b>IV</b>	<b>KHOA CÔNG NGHỆ</b>	<b>DDC</b>	<b>160</b>					
1	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng (Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp)	52510103	24	1. Toán + Lý + Hóa 2. Toán + Lý + Anh 3. Toán + Lý + Văn 4. Toán + Anh + Văn	Điểm trung bình của 3 môn dùng để xét tuyển là điểm trong các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12 (5 học kỳ) của thí sinh không nhỏ hơn 6,0.	x	x	
2	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí (Chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy)	52510201	28	1. Toán + Lý + Hóa 2. Toán + Lý + Anh 3. Toán + Lý + Văn 4. Toán + Anh + Văn		x	x	
3	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	52510205	28	1. Toán + Lý + Hóa 2. Toán + Lý + Anh 3. Toán + Lý + Văn 4. Toán + Anh + Văn.		x	x	
4	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử (Các chuyên ngành: Hệ thống cung cấp điện - Kỹ thuật điện tử)	52510301	36	1. Toán + Lý + Hóa 2. Toán + Lý + Anh 3. Toán + Lý + Văn 4. Toán + Anh + Văn		x	x	

TT	Tên ngành tuyển sinh	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Điểm xét tuyển (ĐXT)	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Tuyển sinh kỳ I	Tuyển sinh kỳ II	GHI CHÚ
5	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	52510303	24	1. Toán + Lý + Hóa 2. Toán + Lý + Anh 3. Toán + Lý + Văn 4. Toán + Anh + Văn		x	x	
6	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	52510406	20	1. Toán + Lý + Hóa 2. Toán + Hóa + Anh 3. Toán + Hóa + Sinh 4. Toán + Hóa + Văn.		x	x	
<b>V</b>	<b>KHOA CNTT&amp;TT</b>	<b>DDI</b>	<b>60</b>					
1	Công nghệ thông tin	52480201	36			x	x	
2	Công nghệ kỹ thuật máy tính	52510304	12	1. Toán + Lý + Hóa 2. Toán + Lý + Anh 3. Toán + Văn + Anh 4. Toán + Hóa + Anh	Dựa vào kết quả học tập lớp 10, lớp 11 và học kì 1 của lớp 12 (tất cả 5 học kì), trong đó: Điểm xét tuyển = Tổng điểm trung bình các môn học của 01 trong 04 tổ hợp môn xét tuyển	x	x	
3	Quản trị kinh doanh	52340101	12			x	x	

**Ghi chú:** Các ngành có đăng ký tuyển sinh kỳ II (tháng 11,12/2017) chỉ tuyển sinh nếu ngành còn chỉ tiêu.  
**Cập nhật ngày 03/4/2017**